

Số: 396/BC-THAS

An Sinh, ngày 24 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học An Sinh

2. Địa chỉ: Khu phố Địa Mối, phường An Sinh, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: (0203)3.671268

Website: <http://thansinh1@dongtrieu.edu.vn/>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường An Sinh

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu

Tầm nhìn: Trường tiểu học An Sinh hướng tới mục tiêu xây dựng trường học hạnh phúc, chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu; nơi phụ huynh, học sinh tin cậy, nơi mà giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

Sứ mệnh: Giáo dục các em học sinh trở thành những công dân ưu tú, năng động, khỏe về thể chất, mạnh về trí lực, có tinh thần trách nhiệm, giàu lòng nhân ái, có đủ năng lực, phẩm chất để học cấp học tiếp theo.

Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường: Tình đoàn kết - Lòng nhân ái - Sự hợp tác - Tinh thần trách nhiệm - Tính trung thực - Tự hào.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học An Sinh được tách ra từ trường Phổ thông cơ sở An Sinh từ tháng 8 năm 2002. Hiện nay trụ sở chính của trường đặt tại thôn Địa Mối, 02 điểm lẻ gồm điểm trường Thành Long và điểm trường Bãi Dài. Trường đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 và đạt chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 2 năm 2025; Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (mức độ cao nhất).

Từ lâu, trường Tiểu học An sinh đã là địa chỉ giáo dục tin cậy của nhân dân trên địa bàn xã. Song song với việc giáo dục đạo đức, giáo dục văn hóa, nhà trường luôn quan tâm đến việc tổ chức các hoạt động nhằm phát triển toàn diện về năng lực và phẩm chất cho học sinh; tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể, rèn luyện kỹ năng cho học sinh như: thi tìm hiểu luật an toàn giao thông, hoạt động ngoại khóa tuyên truyền kỹ năng phòng, chống đuối nước, phòng, chống thiên tai, phòng, cháy và chữa cháy; Tổ chức Tết Trung thu, Hội diễn văn nghệ, Tết yêu thương, Hội khỏe Phù Đổng, Ngày hội thiếu nhi vui khỏe, ... tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Kết quả giáo dục cuối năm học sinh lên lớp luôn đạt từ 99,2% đến

99,8%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Học sinh tham gia các cuộc thi, giao lưu cấp thị xã hàng năm đạt từ 15 đến 40 học sinh.

Năm học 2025-2026 trường có 21 lớp với tổng số 514 học sinh. Điểm trường chính có 11 lớp với 303 học sinh, điểm trường Bãi Dài có 10 lớp, 211 học sinh.

Về đội ngũ: Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường hiện có 41, trong đó: BGH 03, giáo viên 35, nhân viên 03. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng, đồng đều về bộ môn. Các đồng chí trong ban giám hiệu đều có trình độ chuyên môn vững, có năng lực và nghiệp vụ quản lý nhiều năm, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc. Giáo viên đa số tuổi đời còn trẻ, có trình độ chuyên môn vững, nhiều giáo viên có kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp, trong công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các thầy cô đều có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, nhiệt huyết với nghề, tích cực học hỏi đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Về cơ sở vật chất: Các phòng học và phòng phục vụ học tập cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường. Các phòng học đều có kết nối mạng Internet, thiết bị dạy học hiện đại giúp giáo viên thuận tiện trong việc đổi mới phương pháp dạy học và giúp học sinh có phương tiện để tìm tòi, khám phá tri thức trong quá trình học tập.

Điểm trường chính:

Trường chính có 3 dãy phòng học 2 tầng gồm 13 phòng học. Các phòng học đều có đủ thiết bị dạy học hiện đại như ti vi, máy chiếu, màn chiếu, bảng, bàn ghế đạt chuẩn, có camera giám sát tại các phòng học.

Ngoài phòng học, nhà trường còn có phòng học Khoa học và Công nghệ, phòng tin học, phòng học ngoại ngữ, phòng học Âm nhạc, phòng học Mỹ thuật. Các phòng học bộ môn cơ bản đủ các thiết bị để học sinh học và trải nghiệm. Thư viện nhà trường được trang bị đầy đủ sách, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc dạy - học. Phòng y tế có đủ thiết bị, vật tư y tế và nhân viên kiêm nhiệm phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh và cán bộ, giáo viên.

Công trình vệ sinh luôn sạch sẽ, an toàn, thân thiện.

Sân chơi của học sinh đảm bảo đủ diện tích cho học sinh vui chơi, có khu vui chơi trải nghiệm do Sở GD&ĐT trang cấp năm 2019.

Điểm trường Bãi Dài:

Gồm 08 phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, thiết bị điện sáng và máy chiếu phục vụ cho hoạt động dạy - học. Phòng Khoa học và Công nghệ, phòng học ngoại ngữ được bố trí phòng riêng có đủ thiết bị. Phòng tin học có 08 máy vi tính được kết nối mạng Internet phục vụ tốt cho việc học tin học. Các phòng học đều có camera giám sát.

Sân giáo dục thể chất đủ diện tích phục vụ cho hoạt động giáo dục thể chất tại điểm trường. Có khu vui chơi gồm các thiết bị trải nghiệm do Sở GD&ĐT trang cấp. Xung quanh trường có tường bao, cổng trường đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên.

Điểm trường Thành Long:

Điểm trường Thành Long có 02 phòng học là nhà xây kiên cố, diện tích 35 m²/1 phòng, có đủ thiết bị máy chiếu, bảng, bàn ghế đạt chuẩn. Có các công

trình phụ trợ đầy đủ, sân chơi có thiết bị đồ chơi cho học sinh vui chơi đảm bảo an toàn.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Đoàn Thị Nhung Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Địa Mối - phường An Sinh - Tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: (0203)3.671268

Gmail: thansinh1@@dongtrieu.edu.vn

3. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học An Sinh được thành lập từ ngày 01/01/2020 theo Quyết định số 5041/QĐ-UBND của UBND thị xã Đông Triều ngày 12 tháng 12 năm 2019; Quyết định số 20/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 của UBND phường An Sinh về việc tiếp nhận nguyên trạng trường Tiểu học An Sinh từ trực thuộc UBND thành phố Đông Triều (*trước khi sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp*) về trực thuộc UBND phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định (QĐ) số 3058/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND thị xã Đông Triều về việc kiện toàn Hội đồng trường đối với Trường tiểu học An Sinh, nhiệm kỳ 2020-2025.

Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường đối với trường Tiểu học An Sinh nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Đoàn Thị Nhung	Hiệu trưởng	TH An Sinh	CTHĐ	
2	Phạm Thị Phụng	P. Hiệu trưởng chủ tịch công đoàn	TH An Sinh	PCTHĐ	
3	Nguyễn Thị Thảo	P. Hiệu trưởng	TH An Sinh	PCTHĐ	
4	Nguyễn Thị Thoa	Tổ trưởng TVP	TH An Sinh	Thư ký	
5	Nguyễn Thị Nga	TPCM 1	TH An Sinh	Thành viên	
6	Đào Thị Thu Thảo	TPCM 2+3	TH An Sinh	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Vân Anh	TTCM 4-5	TH An Sinh	Thành viên	

8	Phan Thị Quyên	Bí thư ĐTN	TH An Sinh	Thành viên	
9	Trần Thị Thắm	Đại diện CMHS	TH An Sinh	Thành viên	
10	Nguyễn Thị Hưng	TPTĐ	TH An Sinh	Thành viên	

Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND phường An Sinh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm có thời hạn viên chức lãnh đạo quản lý đối với đồng chí Đoàn Thị Nhung - Hiệu trưởng.

Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND phường An Sinh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm có thời hạn viên chức lãnh đạo quản lý đối với đồng chí Nguyễn Thị Thảo - Phó Hiệu trưởng.

Quyết định 677/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND phường An Sinh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm có thời hạn viên chức lãnh đạo quản lý đối với đồng chí Phạm Thị Phụng - Phó Hiệu trưởng.

Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học An Sinh

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học An Sinh là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND phường An Sinh.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn

hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HDGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: 01 chi bộ gồm 35 đảng viên.

+ Tổ chức Đoàn đội: 12 lớp sao nhi đồng và 09 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS- Trưởng ban: Bà Trần Thị Thắm - PH lớp 3C4.

+ Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Đoàn Thị Nhung	Hiệu trưởng	0772398658	th.as.dtnhung@dongtrieu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thảo	Phó hiệu trưởng	0364834368	th.tl.ntthao@dongtrieu.edu.vn
3	Phạm Thị Phương	Phó hiệu trưởng	0978901023	th.as.ptphuong@dongtrieu.edu.vn

3. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính

sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Ghi chú
			ĐH	CD	Dưới TC	
	Tổng số GV, CBQL và NV	48	39	2	7	
I	Giáo viên	35	35			
1	Giáo viên văn hóa	26	26			
2	Ngoại ngữ	3	3			
3	Âm nhạc	1	1			
4	Mĩ Thuật	2	2			
5	Thể dục	2	2			
6	Tin học	0	0			
7	Tổng phụ trách đội	1	1			GV Âm nhạc
II	Cán bộ quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	P. Hiệu trưởng	2	2			
III	Nhân viên	3				
1	Nhân viên y tế	1		1		Kiểm nhiệm thủ quỹ, văn
2	Nhân viên kế toán	1		1		
3	Nhân viên TV-TB	1	1			
4	Nhân viên bảo vệ-	7			7	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp - Hiệu trưởng: Tự đánh giá: Tốt

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 38/38 GV =100% trong đó BGH: 03, GV: 35.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất STT	Các hạng mục công trình	Số lượng				So sánh với yêu cầu tối thiểu
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhà mượn tạm	
1	Khối phòng học tập					
1.1	Phòng học	23	23			
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1			
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1			
1.4	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ	2	2			
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	2	2			
1.6	Phòng học đa chức năng	1	1			
2	Khối phòng học					
2.1	Thư viện	1	1			
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	1			
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ Giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	1			
2.4	Phòng truyền thống và hoạt động Đội	1	1			
3	Khối phòng hỗ trợ học tập					
3.1	Phòng họp	1	1			
3.2	Phòng Y tế trường học	2	2			
3.3	Nhà kho	1	1			
3.4	Khu để xe học sinh	2	1	1		
3.5	Khu vệ sinh học sinh	3	3			
3.6	Phòng giáo viên	2	2			
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	1	1			
3.8	Nhà công vụ cho giáo viên	0				
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao					

4.1	Sân trường	2				
4.2	Sân thể dục thể thao	1				
4.3	Nhà đa năng	0				
5	Tổng diện tích đất(m²)	18.855 m				
6.1	Tổng số TBDHTT hiện có theo quy định	1079				
6.1.1	Khối lớp 1	977				
6.1.2	Khối lớp 2	46				
6.1.3	Khối lớp 3	0				
6.14	Khối lớp 4	0				
6.15	Khối lớp 5	56				
6.2	Tổng số TBDHTT còn thiếu so Theo quy định					
6.2.1	Khối lớp 1	0				
6.2.2	Khối lớp 2	0				
6.2.3	Khối lớp 3	15				
6.2.4	Khối lớp 4	0				
6.2.5	Khối lớp 5	0				
7	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ)	6				
8	Tổng số thiết bị dùng chung					
8.1	Ti vi	12				
8.2	Cát sét	2				
8.3	Dầu Video/đầu đĩa	0				
8.4	Phông chiếu	13				
8.5	Máy chiếu đa năng	11				
8.6	Máy chiếu gần	1				
8.7	Máy chiếu vật thể	1				
8.8	Máy in	6				
8.9	Máy tính để bàn	5				
8.10	Máy tính xách tay	3				

8.11	Máy phô tô	1				
8.12	Loa kéo	3				
8.13	Thiết bị kết nối học sinh học Tiếng Anh	2				
8.14	Máy Scan	2				
8.15	Máy ảnh	0				
9	Nguồn nước sinh hoạt hợp vs	3				
10	Nguồn điện lưới	3				
11	Kết nối Internet	3				
12	Trang Thông tin điện tử (website) của trường	1				
13	Tường rào					

***Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**
-Sách giáo khoa lớp 5

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 5	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm
2	Tiếng Việt 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh cảm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo Dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (l ông Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 5	Cánh diều	Mai Sỳ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	NXB Đại học Sư phạm

6	Đạo đức 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Loan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
8	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên); Phạm Đình Bình (Chủ biên); Nguyễn Thị Huyền- Nguyễn Hải Kiên	NXB Giáo Dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mại Thị Ngọc Bích (Chủ biên) Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị 'Phu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
10	Tin học	Tin học 5 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chu biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	NXB Đại học sư phạm
11	Công nghệ	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chu biên), Đặng Văn Nghĩa (Chu biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Nguyễn Thanh Trịnh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 5 English Discoverv	Tác giả: Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Cao Thúy Hồng	NXB Đại học Sư phạm

- Sách giáo khoa lớp 4

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 4 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn. Tập 2: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 1	Lịch sử và địa lí 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phần Lịch sử: Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên) Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương. Phần Địa lý: Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên) Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Nhà xuất bản GD Việt Nam
5 ¹	Khoa học	Khoa học Cánh diều)	Tác giả: Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

6	Tin học	Tin học 4 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Công Nghệ	Công Nghệ 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 4 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Phương Mai.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
10	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 4 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền. Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
12	1 Tiếng Anh	1 iếng Anh 4	Tập 1: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Luân (Chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền. Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
			Tập 2: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Luân (Chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản GD Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 3

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 3 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn. Tập 2: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Tin học	Tin học 3 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Dàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thúy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thùy	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Công Nghệ	Công Nghệ 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giang Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	¹ Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

7	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 3 (Cánh điều)	Lưu Quang Hiệp(Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Âm nhạc	Âm nhạc 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
9	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 3 (Cánh Điều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh	I iếng Anh 3(Global Success)	Tập 1: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập 2: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa Lớp 2

Stt	Môn/HĐGI)	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 2 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
			Tập 2: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Tự nhiên và xã hội	Tự nhiên và Xã hội 2 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Luân (Tổng Chủ biên). Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 2 (Cánh điều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 2 (Cánh Điều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hai Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên. Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 1

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt		Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (rông Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh cảm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào nn A lâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
		Tiếng Việt 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh cảm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán		Tập 1: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
		Toán 1 (Cánh diều)	Tập 2: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
	Đạo đức	Đạo đức 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toàn (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 1 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 1 (Cánh điều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Âm nhạc 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đồ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 1 (Cánh Điều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

I. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2024/TT-BGD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường tiêu học đạt Chuẩn quốc gia.

Hội đồng tự đánh giá thực hiện công tác tự đánh giá hằng năm.

Sau đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài năm 2025, các điểm yếu và kế hoạch cải tiến chất lượng của 24 tiêu chí đã được nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện khắc phục điểm yếu trong năm học 2025-2206 và các năm học tiếp theo.

2. Kết quả đánh giá ngoài:

Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 68/QĐ- SGDDT ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả đánh giá mức 1, 2,3: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả	
	Không đạt	Đạt
Tiêu chí 1	x	
Tiêu chí 2	x	
Tiêu chí 3	x	
Tiêu chí 4	x	
Tiêu chí 5	x	
Tiêu chí 6	x	
Tiêu chí 7	x	

Kết quả mức 4: Không đạt

Kết luận: Đạt mức 2

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh: Hội đồng trường ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển sinh năm học 2025- 2026 (*Quyết định số 19/QĐ-HĐT ngày 20/5/2025 của Hội đồng trường Tiểu học An Sinh*)

Đối tượng tuyển sinh:

- Trẻ em 6 tuổi (sinh năm 2019);

- Trẻ em khuyết tật, kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, trẻ em ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.

- Trường hợp trẻ em vào học lớp một vượt quá 03 tuổi so với quy định do Trường phòng GDĐT quyết định (không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1).

(Thảo) Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Số lớp: 04 lớp
- Số học sinh: 87 học sinh

(Thảo) Thời gian tuyển sinh:

- Từ ngày 29/5/2025 đến hết ngày 30/5/2025.
- Buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút
- Buổi chiều: từ 14 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.
- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2025-2026: 87/87 trẻ 6 tuổi trên địa bàn tuyển sinh.

(Thảo) 2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (năm học 2024-2025)

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
1	117	5	49	4	
2	96	5	48	4	
3	124	5	49	2	
4	126	5	60	3	
5	126	5	62	3	
Tổng	589	25	268	16	

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	117	5	12
2	96	1	2
3	124	3	1
4	126	2	2
5	126	2	4
Toàn trường	589	13	21

(Phượng) 3. Kết quả thực hiện chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

3.1. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Trong năm học 2024–2025, nhà trường tiếp tục chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn, đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả và tuân thủ đúng các văn bản chỉ đạo, cụ thể là:

Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT;

Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 2636/SGDĐT-GDPT ngày 13/8/2024 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025; Công văn số 1442/PGD&ĐT ngày 20/8/2024 của Phòng GD&ĐT Đông Triều V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn trên và tình hình thực tế của nhà trường, chúng tôi đã thực hiện các nội dung cụ thể sau:

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy được thiết kế linh hoạt, khoa học, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi triển khai thực tiễn.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho các khối lớp từ 1 đến 5. Trong đó, nội dung dạy học được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn lớp học, có sự tích hợp, kết nối hợp lý giữa các cấp lớp, chú trọng việc kế thừa và phát triển năng lực cho học sinh.

Phân phối nội dung dạy học và tổ chức thời khóa biểu đảm bảo đúng khung thời gian năm học; đồng thời có phương án điều chỉnh kịp thời khi có các yếu tố khách quan ảnh hưởng (thiên tai, dịch bệnh, ...) nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng giáo dục.

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục được phân công rõ ràng đến từng tổ chuyên môn, từng giáo viên; có sự theo dõi, giám sát thường xuyên và hỗ trợ kịp thời.

Huy động sự phối hợp và tham gia tích cực của các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường, đặc biệt là cha mẹ học sinh, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các nội dung giáo dục theo đúng mục tiêu đề ra.

3.2. Việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông:

a) Công tác chỉ đạo:

Trong năm học 2024–2025, nhà trường đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT và Phòng GD&ĐT để triển khai thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông một cách đồng bộ, đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ và mục tiêu đề ra.

Đảm bảo tổ chức dạy học đầy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình GDPT 2018 đối với các khối từ lớp 1 đến lớp 5. Số tiết dạy học/tuần được thực hiện như sau:

Lớp 1: 32 tiết (25 tiết theo quy định + 07 tiết tăng cường: 02 tiết luyện Toán, 04 tiết luyện Tiếng Việt; 01 tiết tiếng Anh)

Lớp 2: 32 tiết (25 theo quy định + 07 tiết tăng cường: 03 tiết luyện Toán, 03 tiết luyện Tiếng Việt; 01 tiết tiếng Anh)

Lớp 3: 32 tiết (28 theo quy định + 04 tăng cường: 02 tiết luyện Toán, 02 tiết luyện Tiếng Việt)

Lớp 4, 5: 32 tiết (30 theo quy định + 02 tăng cường: 01 tiết luyện Toán, 01 tiết luyện Tiếng Việt)

Công tác chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch bài dạy, lịch báo giảng được thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ. 100% giáo viên thực hiện soạn giảng trên phần mềm và được lãnh đạo nhà trường duyệt trước vào thứ Năm hoặc thứ Sáu hằng tuần.

Về điều kiện tổ chức dạy học: nhà trường bố trí đầy đủ phòng học cho mỗi lớp với sĩ số không quá 35 học sinh/lớp. Các lớp sử dụng linh hoạt thiết bị hiện có và khuyến khích giáo viên – học sinh tự làm đồ dùng dạy học để phục vụ giảng dạy hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện

- Hằng tuần giáo viên lên lịch báo giảng và xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo đúng thời gian, đúng chương trình; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng duyệt kịp thời; 100% giáo viên soạn bài duyệt giáo án online.

Việc triển khai chương trình được thực hiện nghiêm túc, khoa học; kế hoạch bài dạy được xây dựng đúng hướng dẫn, cập nhật phù hợp với năng lực của học sinh.

Trong năm học, nhà trường đã tổ chức thành công 04 chuyên đề cấp trường, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, tích hợp liên môn và giáo dục kỹ năng, nổi bật gồm:

- Chuyên đề Nâng cao chất lượng dạy học môn HĐTN chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1.

- Chuyên đề Sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 2

- Chuyên đề Nâng cao chất lượng dạy học môn Toán lớp 5 theo Chương trình GDPT 2018

- Chuyên đề Vận dụng trò chơi trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 5

Chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức thành công 06 chuyên đề cấp tổ. Ngoài ra, học sinh lớp 5 còn được tham gia hoạt động trải nghiệm học tập gắn với giáo dục truyền thống và định hướng nghề nghiệp tại địa phương.

** Xếp loại về các môn học và hoạt động giáo dục (Đánh giá theo Thông tư 27/2020 của Bộ GD&ĐT).*

Xếp loại giáo dục	Tổng số học sinh	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %
Lớp 1	97	28	28,9	42	43,3	26	26,8	01	1
Lớp 2	113	36	31,9	45	39,8	32	28,3		
Lớp 3	96	28	29,2	38	39,6	30	31,2		
Lớp 4	123	32	26	45	36,6	46	37,4		
Lớp 5	125	36	28,8	37	29,6	52	41,6		
Tổng	554	160	28,9	207	37,4	186	33,5	01	0,2

- Đánh giá so với năm học 2023-2024: Học sinh hoàn thành chương trình lớp học 553/554, đạt 99,8% tăng 0,5%. Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 125/125 -100%, bằng so với năm học trước.

Kết quả nổi bật khác:

- Học sinh đạt giải Viết chữ đẹp cấp Trường: 108 học sinh đạt giải trong đó 13 giải Nhất, 28 giải Nhì, 29 giải Ba; 38 giải Khuyến khích, giảm 30 giải so với năm học

2023-2024.

- Học sinh đạt giải Violympic Toán, Tiếng Việt: cấp trường có 118 em, trong đó 9 giải Nhất, 18 giải Nhì, 48 giải Ba; 43 giải Khuyến khích;

- *Kết quả học sinh tham gia các cuộc thi, giao lưu cấp thành phố, cấp tỉnh:*

+ 15 học sinh đạt giải Viết chữ đẹp cấp thành phố (Trong đó: 01 giải Nhất; 01 giải nhì; 06 giải ba; 07 giải KK), tăng 07 giải so với năm học 2023-2024..

+ Học sinh đạt giải Violympic Toán, Tiếng Việt cấp thành phố có 04 em đạt giải Khuyến khích.

+ Tham gia Giao lưu Tiếng Anh cấp thành phố: Đạt giải Khuyến khích phần thi tài năng; Giải Khuyến khích đồng đội, bằng so với năm học trước.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

- Học sinh học ở 3 điểm trường nên có một số hoạt động giáo dục tập thể phải tổ chức ở 3 nơi chưa được tập trung.

- Một số phụ huynh học sinh chưa phối hợp kịp thời với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh, một số học sinh khuyết tật tăng động nên cũng có ảnh hưởng đến công tác giáo dục chung của lớp.

d) Giải pháp khắc phục

Nhà trường đã bố trí, sắp xếp đội ngũ phù hợp với chuyên môn và sở trường công tác của giáo viên; tuyên truyền tới CMHS trong các cuộc họp CMHS quan tâm phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục; CBQL nhà trường thường xuyên trao đổi với giáo viên, có biện pháp hỗ trợ giáo viên động viên kịp thời, động viên giáo viên khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3.3. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1, Tin học

3.3.1. Tổ chức dạy các môn Ngoại ngữ 1

a) Công tác chỉ đạo

Trong năm học 2024–2025, nhà trường tiếp tục triển khai giảng dạy môn Tiếng Anh theo đúng quy định, chú trọng đổi mới phương pháp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học và môi trường học tập sinh động nhằm nâng cao chất lượng môn học.

100% học sinh khối 3, 4, 5 được học môn Tiếng Anh với thời lượng 4 tiết/tuần. Giáo viên Tiếng Anh tích cực khai thác hiệu quả phòng học bộ môn tại điểm trường Bãi Dài và ứng dụng công nghệ vào dạy học qua các phần mềm, sách mềm, thiết bị trực quan.

100% học sinh khối 1,2 được học môn Tiếng Anh tăng cường với thời lượng 1 tiết/tuần.

Nhà trường sử dụng bộ tài liệu giảng dạy theo chương trình Tiếng Anh mới của Bộ GD&ĐT:

Lớp 1, 2: *Tiếng Anh 1, 2 – I learn Smart Start 1,2* (NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh - Nguyễn Thị Ngọc Quyên Chủ biên)

Lớp 3, 4: *Tiếng Anh 3, 4 – Global Success* (NXB Giáo dục Việt Nam – Hoàng Văn Vân Tổng Chủ biên).

Lớp 5: Tiếng Anh 5 – English Discovery (NXB Giáo dục Việt Nam – Trần Thị Lan Anh Tổng Chủ biên).

Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy và đánh giá học sinh theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng và hiệu quả thực tế.

b) Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ học sinh được học Ngoại ngữ 1 từng khối lớp như sau:

- Đối với các lớp 1, 2: 100%.
- Đối với các lớp 3, 4, 5: 100%.

Nhà trường thành lập 01 Câu lạc bộ Tiếng Anh với 39 học sinh tham gia, do cô Trần Thị Oanh và cô Nguyễn Thị Phương phụ trách. CLB tổ chức hoạt động ngoại khóa, sử dụng thiết bị dạy học linh hoạt, khuyến khích giáo viên – học sinh tự làm đồ dùng hỗ trợ nâng cao hiệu quả học tập.

Tổ chức 01 chuyên đề cấp trường tháng 12/2025: *Vận dụng trò chơi trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 5* – mang lại hiệu ứng tích cực trong đổi mới phương pháp dạy học.

Thành tích nổi bật của học sinh:

Ngày hội Tiếng Anh cấp thị xã: đạt 02 giải Khuyến khích (phần thi tài năng và đồng đội).

Thi IOE cấp trường: 03 giải Nhất, 02 giải Nhì, 08 giải Ba; 22 giải Khuyến khích.

Thi IOE cấp huyện: 14 học sinh đạt giải (03 giải Nhất; 02 giải Nhì; 02 giải Ba, 07 giải Khuyến khích).

Cuộc thi “Vì Quảng Ninh giỏi Tiếng Anh”:

Cấp trường: 118 học sinh đạt giải.

Cấp thị xã: 74 học sinh đạt giải.

Cấp tỉnh: 36 học sinh đạt giải.

- Kết quả học sinh đạt giải cấp thị xã so với chỉ tiêu đặt ra đầu năm và tăng số hs đạt giải cấp trường cuộc thi IOE cấp trường và cấp huyện.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Số lượng học sinh tham gia CLB Tiếng Anh còn ít; nội dung và hình thức sinh hoạt CLB chưa thật sự hấp dẫn, chưa thu hút đông đảo học sinh.

Một bộ phận phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ vai trò của việc học tiếng Anh sớm, dẫn đến hạn chế trong việc khuyến khích con em tham gia CLB hoặc học ngoại ngữ ngoài giờ.

d) Giải pháp khắc phục

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến phụ huynh về tầm quan trọng của môn Tiếng Anh, khuyến khích học sinh tích cực tham gia Câu lạc bộ Tiếng Anh.

Chỉ đạo giáo viên đổi mới hình thức tổ chức hoạt động CLB: tăng cường trải nghiệm, sân khấu hóa, thi đố vui, giao lưu nói tiếng Anh... để tạo hứng thú học tập.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Số học sinh tham gia CLB tiếng Anh còn ít, chất lượng sinh hoạt CLB tiếng Anh chưa đạt kết quả cao.

Học sinh lớp 1, lớp 2 chưa được học chương trình làm quen tiếng Anh.

Nguyên nhân: Học sinh học môn tiếng Anh khó nên không thích tham gia CLB, nhiều gia đình học sinh chưa quan tâm đúng mức đến vai trò của CLB tiếng Anh nên chưa cho con tham gia CLB; nhà trường chưa bố trí được giáo viên dạy môn Tiếng Anh cho học sinh lớp 1,2 do thiếu giáo viên.

d) Giải pháp khắc phục

Năm học tới nhà trường tiếp tục vận động học sinh tham gia câu lạc bộ tiếng Anh; tiếp tục thực hiện tốt hơn công tác tuyên truyền trong CMHS về vai trò của môn tiếng Anh; yêu cầu giáo viên dạy tiếng Anh cần đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt CLB tiếng Anh để thu hút học sinh hơn; tiếp tục tham mưu với cấp trên bố trí đủ giáo viên để sắp xếp cho giáo viên tiếng Anh dạy tiếng Anh cho học sinh lớp 1, 2.

3.3.2. Tổ chức dạy Tin học

a) Công tác chỉ đạo

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 552/KH-THAS ngày 28/9/2024 về kế hoạch dạy học môn tin học năm học 2024- 2025, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy học môn tin học đảm bảo đúng chương trình, đúng tiến độ; trong năm học đã hợp đồng thỉnh giảng với giáo viên dạy tin học dạy cho học sinh lớp 3,4,5 chương trình tin học bắt buộc theo chương trình phổ thông 2018 học 1 tiết/tuần; lãnh đạo nhà trường thường xuyên dự giờ, giám sát việc dạy học môn tin học.

b) Kết quả thực hiện: Tỷ lệ học sinh được học Tin học từng khối lớp

- Đối với các lớp 1, 2: 0
- Đối với các lớp 3, 4, 5: 100%

Nhà trường đã bố trí 2 phòng máy tính để phục vụ cho việc học thực hành môn tin học, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy tính phòng tin phục vụ kịp thời cho việc dạy - học; giáo viên thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng các phần mềm trong dạy học và tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh cuối năm học trên phần mềm K12 online hiệu quả, đảm bảo các yêu cầu chuyển đổi số trong trường học. Nhà trường đã tuyển chọn học sinh tham gia đội tuyển thi tin học trẻ cấp thị xã năm 2025, có 06 học sinh dự thi bảng A, có 04 học sinh đăng ký dự thi bảng D1 với 2 phần mềm.

- Kết quả thi tin học cấp trường: Bảng A: 01 giải Nhì; 02 giải Ba; 06 giải Khuyến khích. Bảng D1: 01 giải Khuyến khích.

- Kết quả học sinh thi cấp thành phố có 01 học sinh đạt giải bảng A, 02 học sinh đạt giải bảng D1.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Nhà trường chưa có biên chế giáo viên dạy tin học nên chưa chủ động trong việc bố trí, sắp xếp giáo viên, chưa tổ chức cho học sinh lớp 1,2 được học chương trình làm quen với Tin học do không có giáo viên dạy.

Phòng tin học ở trường chính chật hẹp, phải bố trí học chung cùng phòng KHCN do phòng tin học đang trong quá trình được cấp trên đầu tư xây dựng mới. Số lượng máy tính thiếu, máy cũ hay bị hỏng phải sửa chữa nhiều.

d) Giải pháp khắc phục

Trong năm học tới nhà trường tiếp tục tham mưu với cấp trên bổ sung thêm biên chế giáo viên dạy tin học. Rà soát bổ sung máy tính cho phòng Tin học.

3.4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT

2018

a) Công tác chỉ đạo

Căn cứ vào tài liệu và khung nội dung giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh do Sở GD&ĐT ban hành, nhà trường đã triển khai kế hoạch dạy học cụ thể theo từng khối lớp:

Từ lớp 1 đến lớp 4: Lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào các môn học và hoạt động giáo dục như: Hoạt động trải nghiệm, Tự nhiên – Xã hội, Đạo đức, Mỹ thuật, Lịch sử và Địa lý ...

Kế hoạch được xây dựng theo tuần, tháng, bám sát nội dung theo từng chủ đề trong tài liệu, đảm bảo phù hợp với điều kiện dạy học thực tế, khả năng tiếp thu của học sinh, không gây quá tải.

b) Kết quả thực hiện

100% giáo viên thực hiện đầy đủ nội dung, đúng địa chỉ tích hợp đã xây dựng từ đầu năm. Với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, địa phương; phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển, nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh.

Tổ chức hiệu quả các hình thức dạy học linh hoạt như trải nghiệm thực tế, hoạt động cộng đồng giúp học sinh hiểu sâu hơn về lịch sử, văn hóa, kinh tế địa phương.

Học sinh được tham quan trải nghiệm, kết hợp tìm hiểu nghề truyền thống của địa phương: mô hình trồng hoa Đào tết tại xã An Sinh.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế còn gặp khó khăn do trường có nhiều điểm trường, khoảng cách địa lý xa nhau.

Nguồn kinh phí còn hạn hẹp, hạn chế mới chỉ thực hiện được tại địa phương, việc tổ chức các chuyên tham quan, trải nghiệm ngoài lớp học tìm hiểu các làng nghề nổi tiếng chưa thực hiện được.

d) Giải pháp khắc phục

Nhà trường chủ động lên phương án huy động nguồn kinh phí hỗ trợ và lên phương án tổ chức hoạt động trải nghiệm theo bước mở rộng quy mô và chất lượng hoạt động giáo dục địa phương.

3.5. Triển khai giáo dục STEM

a) Công tác chỉ đạo

Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục STEM ngay từ đầu năm học, trên cơ sở thống nhất từ các tổ chuyên môn.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên xây dựng bài dạy STEM, lồng ghép nội dung trong các môn học, các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo tổ chức chuyên đề, dạy thực nghiệm và rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động STEM.

b) Kết quả thực hiện

Đã triển khai 85 tiết dạy có tích hợp giáo dục bài học STEM trong năm học, nội dung phù hợp với điều kiện dạy học và đặc điểm học sinh.

Thành lập 01 CLB STEM, do cô Phan Thị Phương - TPCM tổ 4,5 phụ trách, tạo điều kiện cho học sinh thực hành, sáng tạo.

Học sinh tham gia Hội thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng cấp thị xã với 02 sản phẩm.

Qua hoạt động, học sinh rèn luyện các kỹ năng mềm: tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Chất lượng hoạt động STEM chưa đồng đều; học sinh còn hạn chế trong hợp tác và sáng tạo.

Một số giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm tổ chức hoạt động STEM nên chưa khơi dậy được hứng thú học tập của học sinh.

Nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên chưa thực sự phát huy được hoạt động của CLB.

d) Giải pháp khắc phục

Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn qua chuyên đề và tự học về giáo dục STEM.

Khuyến khích giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, tài liệu, sản phẩm trong các buổi sinh hoạt chuyên môn.

Tiếp tục tuyên truyền tới CMHS, huy động kinh phí phát triển CLB STEM thành môi trường thực hành sáng tạo cho học sinh toàn trường.

4. Một số hoạt động khác theo nhu cầu

4.1. Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày

a) Công tác chỉ đạo

Nhà trường xây dựng kế hoạch, chương trình dạy học và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5. Tổ chức hướng dẫn cho học sinh hoàn thành bài học ở trên lớp, không giao bài về nhà cho học sinh học 2 buổi/ngày; chuyên môn trường đã thống nhất với các tổ chuyên môn về nội dung tăng cường học Toán và Tiếng Việt cho học sinh các khối lớp, sau đó triển khai thống nhất về nội dung dạy cho GV toàn khối. BGH kiểm tra, duyệt báo giảng và giáo án của giáo viên hằng tuần, kiểm tra trực tiếp việc thực hiện chương trình trên lớp của giáo viên thường xuyên. Lớp 1,2 tăng cường 6 tiết/tuần; lớp 3 tăng cường 4 tiết/tuần, lớp 4, 5 tăng cường 2 tiết/tuần.

b) Kết quả thực hiện

Đã tổ chức cho 23/23 lớp được học 2 buổi/ngày với tổng số 554/554 học sinh đạt 100%, so với năm học 2023-2024 tăng 1,5%. So với kế hoạch đầu năm nhà trường đã bố trí dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo chỉ tiêu đề ra.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

02 lớp phải học tạm tại điểm trường Thành Long do nhà trường đang trong quá trình xây dựng.

d) Giải pháp khắc phục

Nhà trường đã sắp xếp thời khóa biểu phù hợp để thuận lợi cho việc di chuyển của GV, đảm bảo 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Năm học 2025-2026 sẽ dồn 02

lớp ở khu Thành Long về trường chính.

4.2. Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày

a) Công tác chỉ đạo

Nhà trường tổ chức các Câu lạc bộ nhằm tạo sân chơi bổ ích cho học sinh sau giờ học chính khóa, góp phần phát triển năng khiếu, sở thích cá nhân, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

Tổ chức các CLB như: CLB Tiếng Anh, CLB Bóng đá, CLB Giáo dục STEM. Phân công giáo viên phụ trách cụ thể: đồng chí Trần Thị Oanh và đồng chí Nguyễn Thị Phương – giáo viên Tiếng Anh phụ trách CLB Tiếng Anh; đồng chí Phan Thị Phương phụ trách CLB STEM; đồng chí Cao Mạnh Tường – giáo viên Thể dục phụ trách CLB Bóng đá. Các CLB hoạt động theo kế hoạch, đảm bảo định kỳ.

b) Kết quả thực hiện

Đến tháng 5/2025, tổng số có 78 học sinh tham gia các CLB, cụ thể: CLB Bóng đá dành cho học sinh khối 3, 4, 5 với 25 thành viên; CLB STEM có 14 thành viên; CLB Tiếng Anh có 39 thành viên.

Các CLB tổ chức sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên phụ trách, tạo điều kiện để học sinh phát triển năng lực, sự tự tin và hứng thú với các môn học, lĩnh vực yêu thích.

Về hoạt động trải nghiệm: Nhà trường đã tổ chức 01 buổi tham quan di tích lịch sử Đền Sinh và Thái Miếu cho học sinh lớp 4,5 vào ngày 16/01/2025. với sự tham gia của 232 học sinh. Tham quan trải nghiệm nghề trồng hoa Đào tết tại địa phương. Hoạt động giúp học sinh rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tinh thần kỷ luật và bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

Ngoài ra, học sinh còn được tham gia các hoạt động ý nghĩa như chăm sóc Đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ xã An Sinh vào các dịp lễ lớn, góp phần giáo dục đạo đức, truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Các câu lạc bộ hoạt động chưa thực sự hiệu quả, số lượng học sinh tham gia chưa đồng đều giữa các khối lớp.

Một số học sinh chưa mạnh dạn, còn e dè khi tham gia các hoạt động tập thể hoặc chưa được phụ huynh tạo điều kiện tham gia thường xuyên.

d) Giải pháp khắc phục

Tiếp tục tăng cường tuyên truyền tới học sinh và phụ huynh về vai trò, lợi ích của việc tham gia các CLB trong việc phát triển năng lực cá nhân, định hướng nghề nghiệp và rèn luyện kỹ năng sống.

Giáo viên phụ trách nâng cao chất lượng hoạt động CLB, đổi mới hình thức sinh hoạt để tạo sự hấp dẫn, phù hợp với tâm lý và sở thích của học sinh.

GVCN phối hợp với giáo viên bộ môn và CBQL nhà trường rà soát, động viên, tạo điều kiện để nhiều học sinh hơn nữa được tham gia các CLB, nhất là học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoặc nhút nhát.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm theo từng chủ điểm, phát huy vai trò nòng cốt của các CLB trong các chương trình ngoại khóa.

4.3. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

a) Công tác chỉ đạo

Nhà trường xác định rõ vai trò của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong việc hình thành và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh; căn cứ vào kế hoạch năm học và hướng dẫn của Phòng GD&ĐT, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo từng chủ đề, chủ điểm phù hợp với từng tháng trong năm học.

Phân công giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và Tổng phụ trách Đội phối hợp tổ chức thực hiện, đảm bảo các hoạt động vừa mang tính giáo dục vừa tạo môi trường trải nghiệm sáng tạo cho học sinh.

b) Kết quả thực hiện

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp phong phú, gắn với các chủ điểm của từng tháng, thu hút sự tham gia tích cực của học sinh và sự phối hợp chặt chẽ của phụ huynh:

Tháng 9: Tổ chức hoạt động quyên góp ủng hộ học sinh trong nhà trường bị thiệt hại sau bão Yagi đã hỗ trợ được 15 gia đình học sinh bị ảnh hưởng nặng do bão số tiền 500.000 đồng/1 gia đình.

Tháng 10: Tổ chức hoạt động ngoại khóa "Kỹ năng phòng cháy chữa cháy và phòng chống thiên tai"; tổ chức Chuyên đề tập huấn kỹ năng phòng chống đuối nước cho học sinh năm học 2024-2025.

Tháng 11: Tổ chức Hội diễn văn nghệ mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Tổ chức lễ tưởng niệm hưởng ứng "Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông" năm 2024 trong toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường.

Tháng 12: Tổ chức Hội khỏe phù đồng cấp trường. Hoạt động ngoại khóa "Tìm hiểu truyền thống Anh bộ đội cụ Hồ"; Viếng và chăm sóc đài tưởng niệm xã An Sinh.

Tháng 1: Tổ chức học sinh tham quan, học tập thực tế di tích lịch sử nhà Trần tại Đền Sinh và Thái Miếu; Tổ chức chương trình Xuân gắn kết, tết yêu thương năm 2025;

Tháng 3: Tổ chức Ngày hội thiếu nhi vui khỏe và Giao lưu tìm hiểu Bộ tiêu chí văn hóa trường học trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Tổ chức hoạt động trải nghiệm tham quan môn hình Trồng hoa Đào tết tại địa phương.

Tháng 4: Tổ chức Ngày hội đọc sách và văn hóa đọc Việt Nam.

Tháng 5: Hội thi Kể chuyện về Bác Hồ.

Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các hoạt động ý nghĩa như:

Tham gia cuộc thi "Ý tưởng trẻ thơ", cuộc thi viết thư quốc tế UPU, chương trình "Giờ trái đất".

Các hoạt động được tổ chức linh hoạt tại các điểm trường, tạo môi trường học tập tích cực, góp phần giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

c) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Nhà trường có 3 điểm trường nên việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp tại các điểm lẻ đôi khi còn gặp khó khăn về nhân lực và cơ sở vật chất.

Một số hoạt động mang tính tổng thể khó triển khai đồng đều tại tất cả điểm trường.

Sự phối hợp của phụ huynh tại một số lớp chưa thường xuyên, dẫn đến hạn chế trong việc hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ mang tính quy mô toàn trường

d) Giải pháp khắc phục

Phân công rõ trách nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm và giáo viên phụ trách tại các điểm trường để chủ động triển khai hoạt động theo từng tháng, từng khối lớp.

Tăng cường tổ chức các hoạt động theo cụm lớp hoặc cụm điểm trường để phù hợp với điều kiện thực tế.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phối hợp với Ban đại diện CMHS nhằm nâng cao nhận thức, huy động sự tham gia, hỗ trợ từ phía phụ huynh trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ.

5. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học: Năm học 2024- 2025: 125/125 đạt 100%.

- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào lớp 6: 125 em

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ kế hoạch dự toán thu-chi năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ - PGDĐT ngày 28 /12/2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều " Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024";

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 08 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc Phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2024 (Nguồn kinh phí không tự chủ).

Căn cứ Quyết định số 1145/QĐ-PGDĐT ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều về việc Phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của chính phủ năm 2024 (từ nguồn cải cách tiền lương);

Căn cứ quyết định số 1151/QĐ-PGD&ĐT ngày 02 tháng 12 năm 2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều về việc điều chỉnh giám dự toán chi nă 2024 từ nguồn trợ cấp có mục tiêu của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/12/2024 của phòng Giáo dục và đào tạo Thành phố Đông Triều về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (Nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/12/2024 của Phòng giáo dục và đào tạo thành phố đông Triều về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục (Nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ-PGD&ĐT ngày 26/12/2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đông Triều về việc phê duyệt bổ sung dự toán chi sự nghiệp giáo dục (Nguồn kinh phí KTC) năm 2024.

***) Nguồn ngân sách: ĐVT: đồng**

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	
	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1		
1	Số thu phí, lệ phí	-
a	1 học phí	

b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.021.899.935
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.187.782.735
3.11	Chi thanh toán cá nhân	6.620.553.506
3.12	Chi hoạt động	1567.229.229
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	834.117.200
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	23.389.200
3.2.2	Chi phí học tập	66.726.000
3.2.3	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	324.770.000
3.2.4	Thuê lao động trong nước (bao vệ, vệ sinh...)	179.712.000
3.2.5	Tiền thưởng	200.870.000

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	19	11.400.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	21	15.750.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Giải chú
	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	Đồng/học sinh/tháng	Theo công văn số 2254/BHXH-QLTST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của BHXH tỉnh Quảng Ninh	
2	Tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú	Đồng/học sinh/tháng	126.000 đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 - HĐND
3	Tiền nước uống (học 2 buổi/ngày)	Đồng/học sinh/tháng	10.000đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 - HĐND
4	Tiếng Anh 1,2	Đồng/học sinh/tiết	5.000đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 - HĐND
5	Tiền chi phí sử dụng điện máy điều hoà lớp học	Đồng/học sinh/tháng		Theo chi số công tơ thực tế
	Năm học 2025-2026			

1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	theo công văn của BHXH Đồng Triều	
2	Tiền nước uống(học 2 buổi/ngày)	đồng/học sinh/năm học	11.000đ	Thực hiện theo NQ 68/2025 - HĐND
3	Tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú	Đồng/học sinh/tháng	130.000 đ	Thực hiện theo NQ 68/2025 - HĐND
4	Tiền chi phí sử dụng điện máy điều hoà lớp học	Đồng/học sinh/tháng		Theo chỉ số công tơ thực lê
Năm học 2026-2027				
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Tiền nước uống (học 2 buổi/ngày)	đồng/học sinh/năm học	11.000đ	Thực hiện theo NQ 68/2025 - HĐND
3	Tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú	Đồng/học sinh/tháng	130.000 đ	Thực hiện theo NQ 68/2025 - HĐND
4	Tiền chi phí sử dụng điện máy điều hoà lớp học	Đồng/học sinh/tháng		Theo chỉ số công tơ thực tế

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi Kho bạc	Đồng	49.933	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT		
			Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	40	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	3.357.979.432	
III	Các khoản giảm trừ			
	Số lượng NPT tính giảm trừ			
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		5.412.000.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học			

3	Bảo hiểm được trừ			
V	Thu nhập tính thuế			1

6. Công khai dự toán thu chi ngân sách năm 2024

	Dự toán chi ngân sách nhà nước			
1	Nguồn ngân sách trong nước			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Đồng	8.187.782.735	
a	Chi thanh toán cá nhân	Đồng	7.081.005.044	
	Mục 6000: Tiền lương	Đồng	3.513.842.598	
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	Đồng	95.631.362	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	Đồng	2.046.401.657	
	Mục 6200: Tiền thưởng	Đồng	28.080.000	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	Đồng	12.000.000	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	Đồng	964.677.889	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	Đồng	414.901.538	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	Đồng	1.045.903.441	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	Đồng	72.016.033	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	Đồng	172.782.000	
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	Đồng	54.295.568	
	Mục 6650: Hội nghị	Đồng	0	
	Mục 6700: Công tác phí	Đồng	18.030.000	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	Đồng	167.173.500	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	Đồng	242.215.400	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	Đồng	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	Đồng	319.390.940	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	Đồng	0	
	Tiêu mục 7053: Mua , bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	Đồng		
d	Các khoản chi khác		60.874.250	

	Mục 7756: Chi các khoản phí và lệ phí	Đồng	60.874.250	
	Mục 7750: Chi các khoản khác	Đồng	138.955.000	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		834.117.200	
a	Chi thanh toán cá nhân	Đồng	592.366.000	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	Đồng	324.770.000	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học	Đồng	66.726.000	
	Mục 6200: Tiền thưởng	Đồng	200.870.000	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	Đồng	241.751.200	
	Mục 6608: Sách thư viện	Đồng	19.250.000	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	Đồng	179.712.000	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	Đồng	42.789.200	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Kế hoạch triển khai theo chương trình Giáo dục Stem:

100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, cuối năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và tham gia trưng bày sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp thị xã.

Các hoạt động trải nghiệm được thực hiện tốt, học sinh tham gia đầy đủ, hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm học 2025-2026 của trường Tiểu học An Sinh (theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Nơi nhận:

- Cán bộ, GV, NV trong nhà trường (t/h);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Nhung